

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH LONG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 03/2025/HNGĐ-PT

Ngày: 21-01-2025

Về việc tranh chấp chia tài sản chung  
của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân,  
yêu cầu xác định tài sản riêng

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Phan Ngọc Hoàng Đình Thục

Các Thẩm phán: ông Trần Văn Quán

ông Trần Quốc Khánh

**- Thư ký phiên tòa:** bà Nguyễn Thị Mỹ Linh – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa:** ông Lê Ngọc Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 49/2024/TLPT-HNGĐ ngày 11 tháng 11 năm 2024 về việc “*Tranh chấp chia tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân, yêu cầu xác định tài sản riêng*”.

Do Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 180/2024/HNGĐ-ST ngày 04 tháng 7 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2024/QĐ-PT ngày 18 tháng 12 năm 2024, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** bà Nguyễn Thị Y, sinh năm 1968; địa chỉ: Ấp 2, xã Đức Hòa Đông, huyện H, tỉnh Long An.

**Người đại diện theo ủy quyền của bà Y:** ông Từ Thái H, sinh năm 1973; địa chỉ: Số 7 đường 65, phường P, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh (văn bản ủy quyền ngày 29/11/2022).

- **Bị đơn:** ông Nguyễn Thành T, sinh năm 1969; địa chỉ: Ấp 2, xã Đức Hòa Đông, huyện H, tỉnh Long An (có đơn xin vắng mặt ghi ngày 19/4/2024).

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập:**

1. Bà Phạm Thị V, sinh năm 1971; địa chỉ: số 574/3/24/11 đường V, phường L, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bà Kha H, sinh năm 1966; địa chỉ: số 532/21/50 Khu C, phường B, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

*Người đại diện theo ủy quyền của bà Vui và bà Kha H:* ông Phạm Quốc S, sinh năm 1981; địa chỉ: 321/5/5 đường L, phường A, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (văn bản ủy quyền ngày 01/8/2024).

*- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Huỳnh Thị K, sinh năm 1971; địa chỉ: Ấp T 2, xã H, huyện H, tỉnh Long An.

2. Bà Nguyễn Thị Kiều O, sinh năm 1994

3. Ông Nguyễn Chí H, sinh năm 1997

4. Bà Nguyễn Thị Y N, sinh năm 1998

Cùng địa chỉ: Ấp 2, xã Đức Hòa Đ, huyện H, tỉnh Long An.

5. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

*Người đại diện theo hợp pháp:* ông Ông Lê Văn L (Chi Cục trưởng – có văn bản xin vắng mặt ghi ngày 26/12/2024).

(Ông Từ Thái H, ông Phạm Quốc S có mặt; các đương sự còn lại vắng mặt).

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện ghi ngày 25/11/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Y và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:*

Bà Y và ông T kết hôn vào năm 1988. Vài tháng sau khi kết hôn, bà Y và ông T được bà Nguyễn Thị C (chị của bà ngoại ông T) tặng cho thửa đất số 203 và thửa 912, cùng tờ bản đồ số 6 xã Đức Hòa Đ, huyện H. Ông Nguyễn Thành T đã được Ủy ban nhân dân huyện H cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (giấy chứng nhận quyền sử dụng sau đây viết tắt là GCNQSD) thửa 203 vào năm 2006 và thửa 912 vào năm 2009.

Do ông T có nghĩa vụ phải thi hành án dân sự đối với một số người, nên vào ngày 10/11/2022, Chi cục THADS huyện Đức Hòa ban hành Thông báo số 1018/TB - THADS về việc xác định quyền sở hữu, sử dụng đối với tài sản thi hành án.

Nay, bà Y khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông T phải chia đôi tài sản chung là quyền sử dụng đất thửa 203 và thửa 912, cùng các tài sản gắn liền với đất. Hiện nay, bà Y và ông T cùng con trai là Nguyễn Chí H, con dâu

Nguyễn Thị Y N và con gái Nguyễn Thị Kiều O đang sinh sống tại nhà, đất nêu trên. Bà Y yêu cầu được nhận hiện vật và hoàn lại giá trị cho ông T.

Đối với diện tích là 49m<sup>2</sup> gồm 28m<sup>2</sup> thuộc thửa 216 và 21m<sup>2</sup> theo bản đồ địa chính là đường, thì bà Y không tranh chấp.

*Trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, bị đơn ông Nguyễn Thành T vắng mặt và trình bày tại bản tự khai ngày 19/4/2024 như sau:*

Hiện nay, ông đang có nghĩa vụ thi hành án một số bản án dân sự. Ông thống nhất với lời trình bày của bà Y về thời gian chung sống, con chung và yêu cầu khởi kiện của bà Y, vì nhà, đất là tài sản chung của vợ chồng ông, cùng nhau gìn giữ, cải tạo, xây dựng từ khi chung sống vào năm 1988 và hiện nay vợ cùng các con ông chỉ có nơi ở duy nhất này.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập trình bày*

*Bà Phạm Thị V trình bày:*

Theo Bản án số 32/2022/DS-ST ngày 08/4/2022 của Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, thì ông Nguyễn Thành T có nghĩa vụ trả cho bà số tiền 600.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh. Việc bà Y khởi kiện ông T nhằm cố tình kéo dài, trốn tránh nghĩa vụ thi hành án của ông T. Do đó, bà khởi kiện yêu cầu Tòa án xác định thửa đất 203 và thửa 912 là tài sản riêng của ông T để đảm bảo nghĩa vụ thi hành án cho bà.

*Bà Kha H trình bày:*

Theo Bản án số 121/2020/DS-ST ngày 01/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, thì ông Nguyễn Thành T có nghĩa vụ trả cho bà số tiền 700.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh. Việc bà Y khởi kiện ông T nhằm cố tình kéo dài, trốn tránh nghĩa vụ thi hành án của ông T. Do đó, bà khởi kiện yêu cầu Tòa án xác định thửa đất 203 và thửa 912 là tài sản riêng của ông T để đảm bảo nghĩa vụ thi hành án cho bà.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, bà Huỳnh Thị K trình bày:*

Theo Bản án số 83/2022/DS-ST ngày 29/6/2022 của Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, thì ông Nguyễn Thành T có nghĩa vụ trả cho bà số tiền 158.450.000 đồng và tiền lãi phát sinh. Việc bà Y khởi kiện ông T nhằm cố tình kéo dài, trốn tránh nghĩa vụ thi hành án của ông T. Do đó, bà đề nghị Tòa án xác định thửa đất 203 và thửa 912 là tài sản riêng của ông T để đảm bảo nghĩa vụ thi hành án cho bà và xin được vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án các cấp giải quyết vụ án.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Chi cục THADS huyện Đức Hòa có văn bản trình bày ý kiến:*

Ông Nguyễn Thành T là người phải thi hành án của các bản án số 121/2020/DSST ngày 01/9/2020, số 32/2022/DSST ngày 08/4/2022 và số 83/2022/DSST ngày 29/6/2022 của TAND huyện Đức Hòa. Chi cục Thi hành án

dân sự (viết tắt là THADS) huyện Đức Hòa đã ra các quyết định thi hành án, nhưng đến nay ông Nguyễn Thành T chưa thi hành xong nghĩa vụ thi hành án. Chi cục THADS huyện Đức Hòa đã ra Quyết định cưỡng chế kê biên, xử tài sản số 52/QĐ-CCTHADS ngày 19/7/2022 và Quyết định sửa đổi, bổ sung Quyết định cưỡng chế số 125/QĐ-CCTHADS ngày 24/8/2022 đối với tài sản của ông Nguyễn Thành T là quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 203 và thửa đất số 912 để đảm bảo thi hành án. Hiện tại chưa thực hiện việc cưỡng chế kê biên, xử lý tài sản của ông Nguyễn Thành T.

Chi cục THADS huyện Đức Hòa đề nghị Tòa án căn cứ vào các quy định của pháp luật để giải quyết yêu cầu khởi kiện của các đương sự. Chi cục THADS huyện Đức Hòa thực hiện theo bản án, quyết định có hiệu lực của Tòa án và xin được vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng của vụ án và xét xử tại Tòa án nhân dân các cấp.

Tại Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 180/2024/HNGĐ-ST ngày 04 tháng 7 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An đã xử (tóm tắt):

1. *Xác định tài sản riêng của ông Nguyễn Thành T gồm các thửa đất 912 và 203.*

2. *Xác định tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân của bà Nguyễn Thị Y và ông Nguyễn Thành T là tài sản gắn liền với các thửa đất 912 và 203.*

2.1. *Bà Nguyễn Thị Y được chia tài sản là hiện vật gồm thửa đất số 912, 203 và tài sản gắn liền với thửa đất số 912, 203.*

2.2. *Bà Nguyễn Thị Y có trách nhiệm hoàn lại cho ông Nguyễn Thành T số tiền 1.264.789.765 đồng (gồm giá trị đất là 1.022.581.688 đồng và giá trị tài sản trên đất là 242.208.077 đồng).*

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ kê khai đăng ký quyền sử dụng đất theo bản án, chi phí tố tụng, án phí, quyền và thời hạn kháng cáo của các đương sự, việc thi hành án theo quy định của pháp luật.

Ngày 16/7/2024, nguyên đơn, bà Nguyễn Thị Y kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, yêu cầu xác định thửa 912 và thửa 203 là tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân của bà Y và ông T và yêu cầu được chia ½ tài sản. Ngày 25/7/2024, bà Y nộp tạm ứng án phí phúc thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

Ông Từ Thái H rút toàn bộ yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị Y.

Ông Phạm Quốc S đồng ý với việc rút kháng cáo của bà Y.

**Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An phát biểu ý kiến:**

Về tố tụng: Tòa án cấp phúc thẩm và các đương sự chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận việc rút

kháng cáo của bà Nguyễn Thị Y, nhưng xem xét lại nghĩa vụ chịu án phí sơ thẩm của bà Y đối với phần công sức gìn giữ tài sản là thửa 912 và 203.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Nguyễn Thị Y do ông Từ Thái H đại diện đã rút toàn bộ kháng cáo theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 289 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc rút đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thị Y là hoàn toàn tự nguyện, không bị ai đe dọa, ép buộc, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Tuy nhiên, đối với nghĩa vụ chịu án phí sơ thẩm, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy: Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định thửa 912 và 203 là tài sản riêng của ông Nguyễn Thành T, chỉ chấp nhận tính sức đóng góp của bà Y vào việc duy trì và phát triển tài sản riêng của ông T, nghĩa là trường hợp này được hiểu là ông T phải có nghĩa vụ trả tiền công sức cho bà Y. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm lại buộc bà Y phải chịu án phí tương ứng với giá trị công sức mà ông T phải trả cho bà là không đúng quy định tại khoản 4 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Do đó, cần sửa bản án sơ thẩm về án phí, cụ thể:

[2.1] Bà Y phải chịu án phí tương ứng với giá trị phần tài sản chung được chia là 12.110.000 đồng.

[2.2] Ông T phải chịu án phí tương ứng với giá trị phần tài sản chung được chia là 12.110.000 đồng, án phí tương ứng với số tiền công sức của bà Y được hưởng là 12.782.271 đồng và 300.000 đồng án phí không có giá ngạch do yêu cầu xác định tài sản riêng của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được chấp nhận. Tổng cộng, ông T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 25.192.271 đồng, quy tròn là 25.192.000 đồng.

[3] Về án phí phúc thẩm: bà Nguyễn Thị Y rút kháng cáo tại phiên tòa phúc thẩm nên phải chịu toàn bộ án phí dân sự phúc thẩm.

[4] Các phần khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm thì có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[5] Đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ, được chấp nhận toàn bộ.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Căn cứ vào Điều 289, khoản 2 Điều 308, khoản 1 Điều 309, Điều 147, Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26 và khoản 4 Điều 29 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

2. Chấp nhận việc rút toàn bộ kháng cáo của bà Nguyễn Thị Y.

3. Đình chỉ xét xử phúc thẩm một phần Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 180/2024/HNGĐ-ST ngày 04 tháng 7 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An về phần chia tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân của bà Nguyễn Thị Y và ông Nguyễn Thành T.

4. Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 180/2024/HNGĐ-ST ngày 04 tháng 7 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An về phần chia tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân của bà Nguyễn Thị Y và ông Nguyễn Thành T có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ra quyết định này.

5. Sửa một phần bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 180/2024/HNGĐ-ST ngày 04 tháng 7 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An về án phí:

5.1. Buộc bà Nguyễn Thị Y phải chịu án phí chia tài sản chung là 12.110.000đ (mười hai triệu một trăm mười ngàn đồng), được khấu trừ vào số tiền 5.000.000đ (năm triệu đồng) tạm ứng án phí phúc thẩm bà Y đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0007621 ngày 23/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Hòa. Bà Nguyễn Thị Y phải nộp tiếp số tiền 7.110.000đ (bảy triệu một trăm mười ngàn đồng).

5.2. Buộc ông Nguyễn Thành T phải chịu án phí chia tài sản chung là 12.110.000đ (mười hai triệu một trăm mười ngàn đồng), án phí tương ứng với số tiền phải trả công sức cho bà Y là 12.782.271đ (mười hai triệu bảy trăm tám mươi hai ngàn hai trăm bảy mươi một đồng) và 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí không có giá ngạch. Tổng cộng, ông T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 25.192.271đ (hai mươi lăm triệu một trăm chín mươi hai ngàn hai trăm bảy mươi một đồng), quy tròn là 25.192.000đ (hai mươi lăm triệu một trăm chín mươi hai ngàn đồng).

6. Các phần khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm thì có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

7. Về án phí dân sự phúc thẩm: buộc bà Nguyễn Thị Y phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng), được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0005248 ngày 25/7/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Hòa, tỉnh Long An. Bà Y đã nộp đủ án phí phúc thẩm.

8. Về hướng dẫn thi hành án: trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

9. Về hiệu lực của bản án: bản án phúc thẩm này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

***Nơi nhận:***

- TANDCC;
- VKSND tỉnh Long An;
- TAND huyện Đức Hòa;
- Chi cục THADS huyện Đức Hòa;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án; án văn/.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phan Ngọc Hoàng Đình Thục**

